

Số:113A /QĐ - UBND

Cộng Hòa, ngày 28 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021
đã được Hội đồng nhân dân xã kỳ họp thứ 3 khóa XXII
nhiệm kỳ 2021-2026 phê duyệt

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỘNG HÒA

Căn cứ luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4840/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Kim Thành, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 3536/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Kim Thành, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số: 23/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022, của HĐND xã Cộng Hòa kỳ họp thứ 3, Khóa XXII, nhiệm kỳ 2021-2026 về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021.

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán ngân sách xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân xã kỳ họp thứ 3, HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2021-2026 *Gồm các mẫu biểu đính kèm sau:*

1, *Biểu số: 116/CKTC- NSNN: Cân đối quyết toán ngân sách xã năm 2021*

2, *Biểu số: Biểu chi tiết số 117: Quyết toán thu ngân sách xã năm 2021*

3, *Biểu số: Biểu chi tiết số 118: Quyết toán chi ngân sách xã năm 2021*

4, 3, *Biểu số: Biểu chi tiết số 119: Quyết toán chi ĐTPT năm 2021*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng HĐND - UBND, UB MTTQ, Công chức Tài chính - KT, các đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này /

Nơi nhận

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- TT Đảng ủy - HĐND - UBND - UB MTTQ xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu VP.



CHỦ TỊCH

[Signature]
Đào Quang Thanh



Biểu số 116/CK TC-NSNN

CẢN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.084.610.464	TỔNG SỐ CHI	5.084.610.464
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	168.226.720	I. Chi đầu tư phát triển	35.603.200
Phí, lệ phí	13.399.000	1. Chi đầu tư XD CB	
Thu từ quỹ đất công ích và đất công	48.985.500	1.1 Chi XD khuôn viên nhà văn hóa, nhà văn hóa	
Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	68.300.000	1.2 Chi XD trường học	
Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	37.140.000	1.3 Chi Hạ tầng dân cư, chợ, sân thể thao...	
Thu khác	402.220	1.4 Chi XD đường BTXM	
		2. Chi đầu tư phát triển khác	35.603.200
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	536.325.810	II. Chi thường xuyên	4.856.115.511
Thuế thu nhập cá nhân	29.819.285	1. Chi dân quân tự vệ, ANTT	285.000.000
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	158.654.067	- Chi dân quân tự vệ	190.000.000
Lệ phí môn bài	14.500.000	- Chi AN ninh trật tự	95.000.000
Lệ phí trước bạ nhà đất	87.604.289	2. Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	10.000.000
Thu tiền sử dụng đất	35.603.200	2. Chi sự nghiệp truyền thanh	10.000.000





Thuế giá trị gia tăng	210.144.969	3. Chi sự nghiệp y tế	
III. Thu bổ sung	4.222.778.200	4. Chi sự nghiệp kinh tế	5.000.000
1- Bổ sung cân đối	3.688.666.000	- Chi sự nghiệp nông - lâm - thủy sản	
2- Bổ sung có mục tiêu	534.112.200	- Chi sự nghiệp môi trường	
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	72.123.620	- Chi sự nghiệp giao thông	5.000.000
V. Thu viện trợ		5. Chi sự nghiệp xã hội	269.894.000
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của Ngân sách (Nếu có)	85.156.114	- Hưu và trợ cấp khác	187.224.000
		- Chi hỗ trợ sửa chữa, làm mới nhà ở người có công	
		- Chi khác	82.670.000
		6. Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	4.276.221.511
		- Quản lý nhà nước	3.149.221.511
		- Đảng cộng sản Việt Nam	485.000.000
		- Mặt trận tổ quốc	146.956.474
		- Đoàn Thanh niên	86.536.785
		- Hội liên hiệp phụ nữ	165.997.932
		- Hội Cựu chiến binh	76.975.650
		- Hội Nông dân	113.533.159
		- Chi khác (Hội đặc thù)	52.000.000
		III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã năm sau (nếu có)	192.891.753
		- Chi đầu tư phát triển	
		- Chi thường xuyên	
		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
Kết dư ngân sách	72.123.620		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	-	4.481.070.000	-	5.084.610.464		113.47
I	<u>Các khoản thu 100%</u>		<u>70.000.000</u>		<u>168.226.720</u>		240.3
	- Phí, lệ phí		20.000.000		13.399.000		67.0
	- Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác		45.000.000		48.985.500		108.9
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				68.300.000		
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				37.140.000		
	- Thu khác		5.000.000		402.220		8.0
II	<u>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</u>		<u>506.800.000</u>		<u>536.325.810</u>		105.8
I	<u>Các khoản thu phân chia</u>		<u>506.800.000</u>		<u>500.722.610</u>		98.8
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		156.000.000		158.654.067		101.7

	- Thuế Giá trị GT		184.000.000		210.144.969		114.2
	- Lệ phí môn bài thu từ các hộ, cá nhân kinh doanh		20.800.000		14.500.000		69.7
	- Lệ phí trước bạ, nhà đất		50.000.000		87.604.289		175.2
	- Các khoản thu khác						
	- Thuế thu nhập cá nhân		96.000.000		29.819.285		31.1
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh Quy định		0		35.603.200		
	- Thu tiền sử dụng đất				35.603.200		
	- Thuế thu nhập cá nhân						
	- Thuế GTGT						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				85.156.114		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				72.123.620		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.904.270.000		4.222.778.200		108.2
	- Bổ sung cân đối		3.625.270.000		3.688.666.000		101.7
	- Bổ sung có mục tiêu		279.000.000		534.112.200		191.4



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.481.070.000		4.481.070.000	5.084.610.464	35.603.200	5.049.007.264	1.13		
	<u>Trong đó</u>	0								
	Chi đầu tư XD CB									
	Chi đầu tư phát triển khác									
1	Chi giáo dục			5.000.000		35.603.200				
2	Chi dân quân, tự vệ			215.000.000			190.000.000			88.4
3	Chi an ninh trật tự			110.000.000			95.000.000			86.4
4	Chi văn hóa, thông tin			10.000.000			10.000.000			100.0
5	Chi phát thanh, truyền hình			10.000.000			10.000.000			100.0
6	Chi thể dục thể thao			50.000.000						0.0
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế			28.000.000			5.000.000			17.9
9	Chi hoạt động của cơ quan Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể			3.773.070.000			4.276.221.511			113.3

10	Chi cho công tác xã hội						280.000.000				269.894.000				96.4
11	Chi khác														
12	Chi chuyển nguồn										192.891.753				
13	Kết dư														
14	Nộp trả ngân sách cấp trên														





QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

[illegible]

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh